

Gia đình Việt Nam sau 30 năm Đổi mới

Nguyễn Hữu Minh *

Tóm tắt: Sau gần 30 năm Đổi mới, cùng với những biến chuyển tích cực về kinh tế - xã hội, đời sống gia đình Việt Nam cũng có nhiều thay đổi, đặt ra những vấn đề mới cần quan tâm. Bài viết tập trung phân tích những thành tựu về công tác gia đình, những hạn chế chủ yếu về nhận thức cũng như những bất cập trong đời sống gia đình hiện nay, các nguyên nhân của tình hình đó. Trên cơ sở các phân tích cụ thể bài viết đã trình bày một số vấn đề chủ yếu cần quan tâm về mặt chính sách nhằm xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ và hạnh phúc.

Từ khóa: Gia đình; đời sống gia đình; chính sách; Việt Nam.

1. Mở đầu

Việt Nam hiện đã chính thức trở thành nước có thu nhập trung bình với thu nhập bình quân đầu người là 1.020 đô la Mỹ vào năm 2009 và khoảng 2.200 đô la Mỹ năm 2015. Tuy nhiên, trong những năm vừa qua, Việt Nam cũng đã trải qua những khó khăn về kinh tế. Tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam đã chậm lại ba năm liên tiếp, năm 2011 là 6,24%, năm 2012 chỉ đạt 5,25%, năm 2013 đạt 5,42%. Năm 2011 và 2012 có gần 110.000 doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động, bằng một nửa tổng số doanh nghiệp đã ngừng hoạt động kể từ khi đổi mới. Những điều đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình giải quyết việc làm. Năm 2012, Việt Nam có tổng cộng 925,6 nghìn người thất nghiệp và gần 1,34 triệu người thiếu việc làm. Trong 9 tháng đầu năm 2013 tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng tăng lên. Những thành tựu và khó khăn nêu trên về kinh tế - xã hội có tác động mạnh mẽ đến đời sống gia đình Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Thành tựu trong công tác gia đình

Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định rằng, ở Việt Nam sự ổn định của gia đình chính là một trong những nhân tố quyết định

sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Gia đình có vai trò quan trọng không chỉ đối với sự phát triển của mỗi cá nhân mà cả trong việc thực hiện các chức năng xã hội, giữ gìn và chuyển giao các giá trị văn hóa dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đầu tư cho gia đình cũng là đầu tư cho phát triển bền vững. Chính vì vậy, Nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng đều nhấn mạnh sự quan tâm đến gia đình với tư cách là “tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách” (Đại hội Đảng VII). Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nhấn mạnh: “Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách”.

Cùng với các Nghị quyết và Cương lĩnh của Đảng, Trung ương Đảng và Chính phủ

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
ĐT: 0903267764. Email: minhngaanh@yahoo.com.

cũng đã ban hành những chỉ thị cụ thể về vấn đề này. Ngày 04 tháng 5 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 72/2001/QĐ/TTg lấy ngày 28 tháng 6 hàng năm là Ngày Gia đình Việt Nam. Mục đích của ngày gia đình Việt Nam là: “Đề cao trách nhiệm lãnh đạo các ngành, các cấp, các đoàn thể và tổ chức xã hội cùng toàn thể các gia đình thường xuyên quan tâm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, đẩy mạnh công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Ngày 21 tháng 2 năm 2005 Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) đã ban hành Chỉ thị số 49-CT/TW về xây dựng gia đình Việt Nam thời kỳ CNH, HĐH đất nước. Ngày 29 tháng 5 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 629/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược Phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030, trong đó nhấn mạnh xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ và hạnh phúc là mục tiêu quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và là trách nhiệm của mọi gia đình trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, trong mấy thập niên qua, nhiều bộ luật cũng đã ra đời nhằm xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam, như Luật Hôn nhân và Gia đình 2000; Pháp lệnh Dân số 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2008); Luật Bình đẳng giới 2006; Luật Phòng chống bạo lực gia đình 2007; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em sửa đổi 2004; Luật Người cao tuổi 2009; v.v..

Quán triệt những quan điểm chỉ đạo nêu trên, vấn đề xây dựng gia đình đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đã được quan tâm trong những năm gần đây. Năm 2003, Vụ Gia đình, cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về công

tác gia đình được thành lập, trực thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em (nay thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Sau khi cơ quan quản lý nhà nước về vấn đề gia đình được kiện toàn, đã có nhiều hoạt động được triển khai nhằm mục tiêu xây dựng gia đình Việt Nam, trong đó có việc thực hiện các mô hình gia đình “no ấm, tiến bộ và hạnh phúc”.

Phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa” với các tiêu chí như: gia đình ấm no, hòa thuận, tiến bộ, khỏe mạnh và hạnh phúc, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân... được tổ chức rộng khắp ở các địa phương đã có đóng góp không nhỏ vào việc củng cố gia đình và phát huy vai trò của gia đình đối với sự phát triển xã hội. Ngoài ra, nhiều chương trình, chính sách về xây dựng gia đình cũng được thực hiện. Chẳng hạn như, Chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; Chính sách xóa đói giảm nghèo; v.v..

Nhiều phong trào và hành động xã hội cụ thể đã được tiến hành nhằm từng bước đưa luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống. Chẳng hạn, thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng từ trung ương đến các địa phương về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa; xây dựng các câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, câu lạc bộ người lớn mẫu mực, trẻ em chăm ngoan, câu lạc bộ phát triển kinh tế gia đình, câu lạc bộ phụ nữ không sinh con thứ ba, câu lạc bộ phòng chống tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình; v.v.. Các tổ chức đoàn thể sáng tạo nhiều hình thức vận động, tuyên truyền phong phú, thiết thực như phát động các phong trào “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền”, “thắp sáng tình yêu thương trong mỗi gia đình”, “vì một mái ấm gia đình không có bạo lực”; v.v..

Những nỗ lực nêu trên của cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể và toàn xã hội đã góp phần hiệu quả vào việc xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam theo định hướng no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Mức sống các gia đình tăng lên, phúc lợi gia đình được bảo đảm hơn cho các tầng lớp xã hội. Quyền quyết định hôn nhân có nhiều thay đổi theo hướng tăng vai trò chủ động của thanh niên. Việc nâng cao vai trò của phụ nữ, tăng cường bình đẳng giới đã làm tăng hạnh phúc gia đình, trong đó người vợ và người chồng chia sẻ công việc với nhau, cảm thông và quan tâm đến nhau. Người phụ nữ ngày càng có vị thế độc lập trong gia đình. Chung thủy vẫn là một chuẩn mực trong quan hệ vợ chồng. Kính trên nhường dưới tiếp tục là chuẩn mực ứng xử trong gia đình, tuy nhiên mối quan hệ cha mẹ - con cái ngày càng dân chủ hơn. Vai trò và vị thế của con cái trong gia đình đã dần tăng lên. Trẻ em được quan tâm phát triển toàn diện hơn. Xã hội tạo điều kiện nhiều hơn chăm sóc các cụ cao tuổi.

3. Hạn chế trong công tác gia đình

Mặc dù Đảng và Nhà nước thừa nhận tầm quan trọng của gia đình đối với sự phát triển xã hội, tuy nhiên, trong thực tế xây dựng chính sách chúng ta chưa nhận thức đầy đủ vai trò của gia đình với tư cách là một thiết chế xã hội đặc thù có mối quan hệ chặt chẽ với các thiết chế khác trong hệ thống xã hội tổng thể, sự vững mạnh hay bất cập của gia đình sẽ có tác động lớn đối với việc quản lý xã hội nói chung. Gia đình chỉ được coi như là một tập hợp máy móc của những thành viên chứ không được nhìn nhận như một thiết chế độc lập, có sự vận động và phát triển riêng, là đối tượng của các chính sách độc lập. Chính vì vậy, thiết chế gia đình chưa có vai trò thực sự trong việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao tham gia vào sự nghiệp CNH,

ĐHĐ đất nước cũng như củng cố sự ổn định và phát triển xã hội nói chung.

Trước hết là về mặt luật pháp, chính sách. Mặc dù Đảng và Nhà nước đã quan tâm đến việc xây dựng hành lang pháp lý tạo tiền đề cho các hoạt động xây dựng và củng cố gia đình, tuy nhiên, hoạt động triển khai và thực thi chính sách gia đình vẫn còn nhiều hạn chế. Nhiều văn bản luật chưa được cán bộ nhận thức đầy đủ. Các điều luật thường mang tính khung, chung chung và để thực thi lại cần phải nhờ tới những văn bản hướng dẫn thực thi dưới luật, tuy nhiên những văn bản hướng dẫn này thường được ban hành quá chậm. Ví dụ như Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đã được thông qua từ tháng 11 năm 2007 nhưng cho đến tháng 12 năm 2009 mới có 2 văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật phòng, chống bạo lực gia đình và Nghị định 110/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2009 quy định về các mức xử phạt hành chính).

Công tác quản lý nhà nước về gia đình mới được thực hiện chính thức trong thập niên vừa qua và còn gặp nhiều khó khăn. Đội ngũ cán bộ có kỹ năng và kinh nghiệm chuyên trách về công tác gia đình ở cấp cơ sở còn thiếu. Cơ chế phối hợp triển khai thực hiện chính sách gia đình chưa đồng bộ. Các nguồn dữ liệu về gia đình đến nay mới bắt đầu tập hợp và xây dựng. Tuy nhiên, việc thu thập thông tin ở cấp cơ sở gặp rất nhiều khó khăn.

Một trở ngại lớn nữa trong việc thực hiện công tác gia đình của các cơ quan chức năng (kể cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã) là thiếu kinh phí cho việc triển khai thực hiện. Nhiều chính sách (như chính sách củng cố sự bền vững của gia đình, chính sách xây dựng mối quan hệ vợ chồng bình đẳng, tiến

bộ, hạnh phúc...) được quy định trong các bộ luật, pháp lệnh, chiến lược nhưng không có mục kinh phí dành riêng cho việc triển khai thực hiện những vấn đề này. Kết quả là việc triển khai thực hiện các chính sách pháp luật về gia đình chỉ được lồng ghép trong các kế hoạch khác của địa phương.

Chúng ta chưa có những số liệu đầy đủ ở quy mô quốc gia về sự vận động và phát triển của gia đình ở Việt Nam, dẫn đến các chính sách thiếu khả thi. Việc hoạch định các chính sách xã hội đối với gia đình hay quan tâm đến những khía cạnh về gia đình trong các chính sách kinh tế - xã hội khác cũng chưa thực sự dựa trên các bằng chứng và luận cứ khoa học. Nhiều chính sách có liên quan đến gia đình Việt Nam không hoàn toàn là kết quả của việc phân tích một cách có khoa học sự vận động và phát triển của gia đình Việt Nam. Ở đây liên quan đến một vấn đề rất lớn của việc xây dựng chính sách đó là thiếu quan tâm đến chiều cạnh xã hội của quá trình này, không tính đến những người thực hiện chính sách và đối tượng của chính sách.

Tác động của những hạn chế nêu trên là không phải tất cả các gia đình đã thực sự trở thành “tổ ấm” cho mỗi con người, mối quan hệ cá nhân và gia đình còn lỏng lẻo, bất bình đẳng giới và bạo lực trong gia đình vẫn tồn tại. Có thể nêu một số bất cập trong đời sống các gia đình như sau:

- Mối quan hệ giới trong gia đình chưa thực sự bình đẳng. Trong quan hệ giữa vợ và chồng, việc phân công lao động trên cơ sở giới vẫn còn duy trì, mặc dù đã có sự chia sẻ cân bằng hơn giữa hai giới trong công việc sản xuất kinh doanh hoặc một số loại việc khác. Nhìn chung, sự tham gia của nam giới vào công việc nội trợ không tăng đáng kể và chưa tương xứng với sự gia tăng của phụ nữ trên thị trường lao động. Lao động nội trợ không được nhận

thức thỏa đáng cả từ phía nam giới và phụ nữ và có thể dẫn đến hậu quả tiêu cực cho quan hệ vợ - chồng và các thành viên khác. Gánh nặng lao động “kép”, với quỹ thời gian hạn hẹp, sức khỏe kém đi,... đang gây trở ngại cho phụ nữ phát triển năng lực, kể cả về thể chất lẫn đời sống văn hóa tinh thần, do đó cũng làm giảm chất lượng mối quan hệ vợ - chồng.

Truyền thống người chồng đứng tên quyền sở hữu các tài sản lớn của gia đình vẫn còn tồn tại khá phổ biến, đặc biệt ở các vùng nông thôn. Quan niệm về người chủ gia đình có sự thay đổi chậm, phần lớn người dân vẫn coi nam giới là chủ gia đình. Với những “việc lớn” của gia đình, vai trò ra quyết định của người đàn ông, người chủ gia đình vẫn là một thứ chuẩn mực ít thay đổi. Rõ ràng, sự phân biệt giới còn khá phổ biến, mối quan hệ vợ - chồng trong nhiều trường hợp dường như đang lặp lại hình ảnh “chồng chúa vợ tôi” từ xa xưa và cần phải có những nỗ lực triển khai mạnh mẽ Luật Bình đẳng giới nhằm có được sự bình đẳng thực chất giữa phụ nữ và nam giới.

- Bạo lực gia đình còn nghiêm trọng, trong đó nổi bật nhất là bạo lực của người chồng đối với người vợ, đang là vấn đề được sự quan tâm của xã hội. Số liệu điều tra quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ Việt Nam năm 2010 cho thấy, có 58,3% phụ nữ tham gia khảo sát đã trải qua ít nhất một hình thức bạo hành về thể chất, tinh thần hoặc tình dục, trong đó 27% đã trải qua ít nhất một hình thức bạo lực trong vòng 12 tháng trước cuộc điều tra. Có 32% phụ nữ có chồng cho biết, họ từng trải qua bạo lực về thể chất; 6% trong số đó trải qua bạo lực trong vòng 12 tháng trở lại.

Bạo lực gia đình, đặc biệt là bạo lực của chồng đối với vợ đã gây ra nhiều hậu quả đáng tiếc nghiêm trọng cho phụ nữ và trẻ em. Xét về mặt xã hội, tổn thất kinh tế liên

quan đến các hành vi bạo lực của chồng đối với vợ có thể chiếm đến 1,78% GDP hàng năm. Trong khi đó, hầu hết các vụ bạo lực gia đình vẫn diễn ra âm thầm đằng sau cánh cửa gia đình, sự can thiệp của Nhà nước và các tổ chức xã hội còn hạn chế. Cũng còn thiếu sự thấu hiểu, thông cảm, lắng nghe và nhường nhịn nhau của những người trong cuộc. Cùng gây ảnh hưởng tổng hợp duy trì các hành vi bạo lực gia đình, còn có: thói quen sử dụng rượu và chất gây nghiện; ngoại tình; thái độ nín nhịn vì giữ thể diện gia đình và xấu hổ; sự dung thứ của cộng đồng đối với các hành vi bạo lực; sự gia trưởng; sự bất bình đẳng về kinh tế; nhận thức, trách nhiệm và kỹ năng xử lý các tình huống của các cán bộ có liên quan còn hạn chế, v.v..

Như vậy, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, mặc dù đã được ban hành và có hiệu lực từ năm 2008, đến nay vẫn chưa thực sự là sự đảm bảo pháp lý có ảnh hưởng sâu rộng đối với mọi tầng lớp nhân dân.

Gắn với các mâu thuẫn, xung đột và bạo lực gia đình là vấn đề ly hôn. Số liệu thống kê cho thấy số lượng các cuộc ly hôn tăng dần qua các năm và tỷ lệ nữ đứng đơn ly hôn ngày càng nhiều hơn nam giới. Việc đứng đơn ly hôn của người phụ nữ phần nào cho thấy địa vị của người phụ nữ đã thay đổi, nhận thức về quyền của họ đã được nâng lên, người phụ nữ đang ngày càng tự chủ hơn trong đời sống hôn nhân của mình. Tuy nhiên, đằng sau các lá đơn ly hôn, kể cả khi phụ nữ đứng tên, cũng phản ánh một sự thật là ngày nay, tác động của nền kinh tế thị trường đã len lỏi vào đời sống gia đình, nhiều khi chi phối cả mối quan hệ giữa chồng và vợ và dẫn đến những cuộc ly hôn đáng tiếc. Hậu quả lớn của các cuộc ly hôn chính là sự phát triển thiếu toàn diện của con cái cũng như sự thiếu tôn trọng của con cái đối với cha mẹ sau này.

- Một trong những vấn đề cần được quan tâm hiện nay là sự bảo lưu xu hướng ưa thích con trai. Vẫn còn một tỷ lệ đáng kể người dân ủng hộ quan niệm nhất thiết phải có con trai. Trong đó, động cơ có con trai để có người nối dõi tông đường là lý do quan trọng. Đáng lưu ý là theo kết quả Điều tra thanh niên và vị thành niên Việt Nam 2009, vẫn còn 12,6% thanh niên lứa tuổi 14 - 25 cho rằng cần phải có con trai. Việc phân biệt đối xử giữa con trai và con gái dẫn đến tình trạng chọn lọc giới tính thai nhi. Tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam đang có xu hướng tăng, từ 110,5 bé trai/100 bé gái vào năm 2009 đến 111,2 năm 2010; 111,9 năm 2011 và 112,3 năm 2012. Với xu hướng này, nếu không có sự can thiệp, thì tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam sẽ sớm đến mức 115 bé trai /100 bé gái vào năm 2015 và chắc chắn chưa dừng lại ở đó.

Theo xu hướng này, chỉ vài thập niên sau tình trạng không có đủ phụ nữ cho đàn ông lấy làm vợ sẽ xảy ra ở nước ta (giống như tình trạng đang xảy ra ở các nước và một số vùng lãnh thổ của Đông Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan hiện nay). Nhưng khi tình trạng khủng hoảng “thừa nam thiếu nữ” xảy ra thì sự nguy hại không chỉ đến với nam giới, mà còn dành sẵn để chờ người phụ nữ: họ sẽ trở thành đối tượng bị tranh cướp, thành vấn nạn mại dâm và buôn bán phụ nữ, và nhất là nguồn lao động của đất nước sẽ bị thiếu hụt ở một số lĩnh vực cần đến bàn tay khéo léo và óc thẩm mỹ tinh tế của phụ nữ. Đây là một hiện tượng rất bất bình thường trong lịch sử phát triển dân số gia đình ở Việt Nam và cần được các nhà hoạch định chính sách phát triển xã hội, các bậc cha mẹ, nhất là những người đang trong độ tuổi sinh đẻ quan tâm.

- Trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay, chúng

ta đang chứng kiến một hiện tượng khá bất ổn ở không ít gia đình, đó là việc thiếu vắng sự chăm sóc, giáo dục của các bậc cha mẹ đối với con cái, dù họ vẫn sống cùng nhà với các con (kể cả ở những gia đình “ăn nên làm ra”, cũng như ở các gia đình neo đơn, đang gặp khó khăn về kinh tế). Theo kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam 2006, vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ người cha và người mẹ không dành chút thời gian nào để chăm sóc con cái dưới 15 tuổi: 6,8% người mẹ và 21,5% người cha. Sự thiếu quan tâm của cha mẹ đối với con cái có thể dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực cả về mối liên hệ tình cảm cha mẹ - con cái hoặc tăng thêm nguy cơ đối với các hành vi lệch chuẩn trong cuộc sống. Không ít trẻ em trong các gia đình không được cha mẹ quan tâm đã bỏ học, đi lang thang bụi đời, để cuối cùng rơi vào vòng xoáy của các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút, cướp giật, mại dâm và vô số các hiểm họa khác.

Có một tỷ lệ không nhỏ các bậc cha mẹ giáo dục con cái không đúng cách, làm nơ cho lỗi lầm của con trẻ, đánh đòn con bất kể lý do gì, hay có thái độ bất lực đối với các hành vi mắc lỗi của con cái. Số liệu điều tra Thanh niên và vị thành niên Việt Nam lần 2 (SAVY 2009) cho thấy, có đến 4,1% trẻ vị thành niên tuổi 14 - 17 cho biết đã bị người trong gia đình đánh thương tích, có thể hiểu chủ yếu là cha mẹ đánh. Số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cho biết, có 1,4% người làm cha mẹ đã đánh trẻ khi con cái mắc lỗi trong 12 tháng trước khảo sát. Việc giáo dục trẻ không đúng cách dẫn đến những hậu quả tiêu cực. Nhiều em đã có các hành vi như buồn bã, gây gỗ đánh nhau, uống rượu, sử dụng chất gây nghiện, v.v.. Tình trạng này rất là nghiêm trọng đối với sự phát triển nhân cách của trẻ và đòi hỏi sự quan tâm nhiều hơn từ phía gia đình và xã hội trong việc bảo vệ sức khỏe thiếu niên.

Sự thiếu hụt kiến thức của các bậc cha mẹ về đặc điểm phát triển nhận thức, sự thay đổi tâm sinh lý của con cái trong giai đoạn vị thành niên và không nắm được các phương pháp giáo dục con một cách hiệu quả là nguyên nhân quan trọng làm tăng nguy cơ xung đột giữa cha mẹ và con cái. Khó khăn này đòi hỏi phải thay đổi nhận thức và tăng cường kiến thức của cả cha mẹ và vị thành niên trong sự quan tâm đến trẻ vị thành niên - một giai đoạn hết sức quan trọng trong việc định hình và phát triển nhân cách con cái.

- Xu hướng già hóa dân cư đang diễn ra khá nhanh ở Việt Nam: năm 1979 tỷ lệ người cao tuổi trong tổng số dân cư là 7,1%; đến năm 2009 là 10%. Chỉ số già hóa (tỷ số giữa dân số từ 60 tuổi trở lên so với dân số dưới 15 tuổi tính theo phần trăm) đã tăng từ 18,2% năm 1989 lên 42,7% năm 2012.

Hiện nay có khoảng trên 30% số gia đình Việt Nam có người cao tuổi. Trong số những người cao tuổi có 70% đang tự làm việc nuôi sống mình hoặc nhờ vào phần trợ cấp và nuôi dưỡng của con cháu; 30% đang sống trong điều kiện nghèo; 95% đang mắc ít nhất 1 loại bệnh. So với nhiều nước khác trên thế giới thì người già ở Việt Nam ở trong tình cảnh khá đặc thù. Do phải trải qua một thời gian chiến tranh khá dài, nên phần đông các cụ không có sổ hưu, không có sổ tiết kiệm cũng như các nguồn tích lũy khác. Có thể nói nhóm người cao tuổi này đang gặp khó khăn, không chỉ trong việc chi trả cho các dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe, mà còn khó có thể tự nuôi sống bản thân. Những khó khăn này đang góp phần đẩy người cao tuổi vào tình trạng phụ thuộc vào gia đình và con cháu mà không có một sự lựa chọn nào khác khi các dịch vụ xã hội chăm sóc người cao tuổi còn non yếu như hiện nay.

Trong khi đó, gia đình vẫn đang đóng vai trò chủ yếu phụng dưỡng, chăm sóc người cao tuổi. Tuy nhiên, người cao tuổi sống dựa vào con cháu đang gặp không ít khó khăn vì bản thân cuộc sống của con cháu cũng còn nhiều vất vả. Theo số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam 2006, có khoảng 1/3 số hộ có người cao tuổi là hộ nghèo, vì vậy việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ già trong hộ là thực sự khó khăn trong điều kiện các chính sách hỗ trợ của nhà nước còn ít. Đối với nhiều hộ gia đình, chi phí chữa bệnh cho người cao tuổi là một gánh nặng kinh tế, vì việc chi trả cho các dịch vụ y tế (khám chữa bệnh, thuốc men, chăm sóc...) thường cao hơn rất nhiều so với thu nhập của họ. Ngoài ra, còn những khó khăn khác như: con cái bị tàn tật, đau yếu, công việc của con cái không ổn định, nhà neo người... Trong điều kiện đó, sự trợ giúp của Nhà nước thông qua những hình thức khác nhau (bảo hiểm, trợ cấp tuổi già, v.v.) nhằm giảm bớt sự phụ thuộc về mặt vật chất của người cao tuổi đối với con cháu có ý nghĩa rất quan trọng.

Đại bộ phận con cái có sự thăm nom, chăm sóc thường xuyên về mặt tinh thần đối với người cao tuổi. Trong cuộc sống, những lúc buồn, vui, người cao tuổi chủ yếu chia sẻ với người thân của mình trong gia đình. Tuy nhiên, cũng có một bộ phận con cháu mới chỉ quan tâm đến đời sống vật chất của các cụ, còn cuộc sống tinh thần thì bỏ bê. Lý do chính là con cháu thiếu thời gian, không sẵn sàng lắng nghe và giữa hai bên thiếu sự quan tâm chung.

Trong bối cảnh của tiến trình CNH, HĐH và nhất là dưới sự tác động của toàn cầu hóa, hệ giá trị gia đình ở Việt Nam đang có sự biến đổi rất lớn. Bên cạnh những giá trị cổ truyền như “kính trên, nhường dưới”, “trọng xỉ” (tôn trọng người cao tuổi), thì những giá trị mới như coi

trọng “quyền tự do cá nhân”, “bình đẳng giới”, “quyền trẻ em” cũng ngày càng được khẳng định. Sự biến đổi này, trong một chừng mực nhất định, đã làm cho mối quan hệ ông bà - cha mẹ - con cháu không thuận chiều như trước đây và làm tăng những mâu thuẫn và xung đột thế hệ. Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cho biết, có khoảng 1/10 số ý kiến từ các hộ gia đình có 3 thế hệ chung sống thừa nhận có sự không thống nhất về các vấn đề về lễ lối sinh hoạt, cách quản lý tiền và tiêu tiền, cách thức làm ăn và phát triển kinh tế gia đình, cũng như về phương pháp giáo dục con cháu.

Đặc biệt cần quan tâm là một bộ phận người cao tuổi đang phải trải qua các hành vi bạo lực về thể chất, tinh thần và kinh tế do con cháu gây ra. Những nguyên nhân chủ yếu góp phần dung dưỡng các hành vi bạo lực đối với người cao tuổi là sự tôn thờ giá trị đồng tiền ở một số người, sự khác biệt về lối sống và sự thiếu quan tâm của các cấp chính quyền đoàn thể đối với mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình. Hiện tượng bạo lực đối với người cao tuổi gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với người cao tuổi và gia đình, xã hội.

Trước đây người cao tuổi thường sống chung với con cháu trong gia đình mở rộng và điều này đã trở thành thứ bản sắc riêng ở các gia đình Việt Nam. Việc chăm sóc của con cái đặc biệt có ý nghĩa về mặt tinh thần đối với người cao tuổi. Tuy nhiên, hệ thống trợ giúp của gia đình cho người cao tuổi trong tương lai gần sẽ gặp những trở ngại do những biến động của quy mô dân số và xu thế hạt nhân hóa gia đình. Việc giảm số con trong gia đình sẽ làm giảm nguồn hỗ trợ cho cha mẹ khi tuổi già. Sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động xã hội, nhiều thanh niên di cư tìm kiếm việc làm khiến cho người cao tuổi càng cô đơn và thiếu nơi nương tựa. Nhiều người cao tuổi

sẽ phải sống một mình và tự chăm sóc cho bản thân, phải đối mặt với rất nhiều khó khăn về tài chính và bệnh tật. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của các cụ, bên cạnh các hình thức đã quen thuộc như chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà, dịch vụ chăm sóc theo yêu cầu và dịch vụ nuôi dưỡng tập trung, hiện nay ở nhiều địa phương đã xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới, như dịch vụ nuôi dưỡng người cao tuổi dưới hình thức đầu tư tư nhân, cổ phần... Tuy nhiên, chưa có sự tổng kết, rút kinh nghiệm các hình thức dịch vụ này.

4. Một số vấn đề chính sách cần quan tâm

Cho đến nay và cả trong thập kỷ tới, gia đình rõ ràng vẫn là thiết chế không thể thay thế đối với việc đảm bảo phúc lợi cá nhân. Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ thể chế gia đình có thể bị khai thác quá tải mà không có được hỗ trợ cần thiết. Đặc điểm này cần được tính đến một cách đầy đủ khi nghiên cứu cũng như khi đề xuất các chính sách phúc lợi nói chung và chính sách chăm sóc nói riêng, bao gồm chăm sóc trẻ em, người ốm, người cao tuổi, v.v..

Ngoài ra, liên quan đến những biến đổi của gia đình Việt Nam từ các mặt chức năng, cấu trúc, quan hệ gia đình, có một số vấn đề đặt ra cần quan tâm như sau:

Nhà nước cần tạo những điều kiện cần thiết và thuận lợi để gia đình có cơ hội tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế. Sự mất cân bằng giới tính khi sinh đang nghiêm trọng hiện nay đòi hỏi phải tăng cường giáo dục, làm thay đổi tâm lý truyền thống về vai trò của con trai, tạo dựng quan niệm bình đẳng giữa con trai và con gái trong trách nhiệm nuôi dưỡng chăm sóc cha mẹ già và thờ phụng tổ tiên. Bên cạnh đó, nhà nước cần có các chính sách và chiến lược lâu dài bảo đảm xã hội cho người già để giảm bớt sự phụ thuộc của người già vào con cái.

Cùng với tiến trình công nghiệp hóa, một lượng lớn người lao động di cư trong và ngoài nước để bảo đảm cuộc sống gia đình. Sự “phân ly” trong thời bình này đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm để củng cố và xây dựng gia đình.

Bạo lực gia đình đang diễn ra khá nghiêm trọng tại các địa phương, ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng các mối quan hệ gia đình, đe dọa sự bền vững của gia đình. Cần thiết phải có những giải pháp triệt để hơn nhằm thay đổi nhận thức xã hội về bạo lực gia đình, tăng cường công tác bảo vệ và giúp đỡ nạn nhân, v.v..

Sự biến đổi chuẩn mực vai trò của nam và nữ trong gia đình cũng đặt ra những vấn đề mới về mối quan hệ giữa bình đẳng giới và củng cố quan hệ gia đình trong bối cảnh hiện nay. Vì vậy, cần quan tâm củng cố chức năng giáo dục của gia đình, xây dựng mối quan hệ mới giữa cha mẹ và con cái trên cơ sở tiếp thu những giá trị nhân văn mới và kế thừa những giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam truyền thống.

Đối với việc phát huy vai trò và chăm sóc người cao tuổi, yêu cầu đặt ra trong thời gian tới là cần xử lý một cách thích hợp mối tương quan giữa các chủ thể thực hiện việc này. Trong thập kỷ tới, gia đình có thể vẫn là nơi để người cao tuổi phát huy vai trò của mình, bên cạnh cộng đồng và xã hội. Đồng thời, gia đình sẽ là nơi chăm sóc chính đối với người cao tuổi, còn các hình thức khác sẽ mang tính hỗ trợ. Do đó, cần làm mọi việc để hỗ trợ gia đình thực hiện tốt chức năng phát huy và chăm sóc người cao tuổi. Bên cạnh đó, cần thấy rằng, cùng với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, xu thế giảm chức năng chăm sóc người cao tuổi của gia đình là không thể đảo ngược, do đó, xã hội cần chuẩn bị tốt cho hệ thống an sinh xã hội công để phục vụ nhu cầu của người cao tuổi, đồng thời tạo điều kiện cho các dịch vụ tư nhân tham gia vào việc hỗ trợ

người cao tuổi do nhiều người trong số họ có khả năng chi trả dịch vụ.

Liên quan đến việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, có thể nêu hai yêu cầu chính: *một là* vai trò của Nhà nước, thể hiện ở sự đầu tư nguồn lực cho việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; *hai là* việc điều phối mối quan hệ giữa Nhà nước, gia đình và các chủ thể khác trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: Các kết quả chủ yếu*, Hà Nội.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới, UNICEF (2008), *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*, Hà Nội.

3. Chính phủ Việt Nam (2012), *Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (CG)*, Hà Nội.

4. Chính phủ Việt Nam (2013), *Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2013, kết quả 3 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (2011 - 2015) và nhiệm vụ 2014 - 2015 (do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng trình bày tại phiên khai mạc kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII, ngày 21 tháng 10 năm 2013)*, Hà Nội.

5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Luật Bình đẳng giới*, Hà Nội.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9. Nata Duvvury, Nguyễn Hữu Minh, Patricia Carney (2012), *Báo cáo hoàn thiện về ước tính*

thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam, Hà Nội. Do UNWomen tại Việt Nam xuất bản, Hà Nội.

10. Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Hồng (2011), “Thái độ của thanh thiếu niên Việt Nam về hôn nhân và gia đình”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*.

11. Nguyễn Tấn Dũng (2015), *Diễn văn của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại lễ kỷ niệm 40 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước*, 30 tháng 4 năm 2015, Tp. Hồ Chí Minh.

12. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Luật người cao tuổi*, Hà Nội.

13. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2000), *Luật Hôn nhân và Gia đình*, Hà Nội.

14. Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2007), *Luật Phòng chống bạo lực gia đình*, Hà Nội.

15. Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng phát triển Châu Á (2010), *Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam lần thứ 2*, Hà Nội.

16. Tổng cục Thống kê (2010), *Im lặng là chết: Kết quả nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam*, Hà Nội.

17. Tổng cục Thống kê (2012), *Điều tra Biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1 tháng 4 năm 2012, Các kết quả chủ yếu*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

18. Tổng cục Thống kê (2013), *Báo cáo Điều tra Lao động việc làm năm 2012*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

19. Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới (2010), *Báo cáo tổng quan chương trình “Những vấn đề cơ bản về gia đình và giới ở Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2020”*, Hà Nội.

20. Vụ Nghiên cứu Gia đình và Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới (2012), *Báo cáo điều tra thực trạng bạo lực gia đình, đề xuất giải pháp có tính đột phá nhằm giảm thiểu bạo lực gia đình trong năm 2012 và giai đoạn 2012 - 2016*, Hà Nội.

